*Tiết 100* **KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Desktop\images (1).jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

**2. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.

- *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.

- *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt. Tự hào về vốn từ phong phú Hán Việt của nước mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bảng tương tác, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: HS huy động vốn hiểu biết cuộc mình để nói lên thực trạng khan hiếm nước ngọt trên thế giới  **b) Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân  **c)Yêu cầu sản phẩm**: HS trình bày cá nhân bằng miệng  **d) Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  **-**GV: Chiếu hình ảnh  - HS : quan sát hình ảnh các bức tranh, qua đó em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề nước ngọt hiện nay?    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời theo quan điểm cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: Nếu như ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới thì ngày 22/3 hàng năm chính là ngày nước thế giới. Đến năm 2021, ngày nước thế giới đã lấy chủ đề “ giá trị của nước”nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tài nguyên nước; giá trị của nước về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội; giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước trước các áp lực do gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và biến đổi khí hậu. Và điều đó được thể hiện như thế nào thì chúng ta cùng nhau đi vào tác phẩm ngày hôm nay. |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)Mục tiêu**  + Học sinh biết phân loại nguồn nước: nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch.  + HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.  **b)Phương thức thực hiện**: pp giải quyết vấn đề, pp dạy học nhóm  **c) Yêu cầu sản phẩm:** Trình bày cá nhân, nhóm, phiếu học tập...  **d) Tổ chức thực hiện:** thời gian 30p | |
| Hoạt động của giáo viên – học sinh | 1. **Tìm hiểu chung** |
| **Hoạt động : Tìm hiểu chung**   1. **Mục tiêu:** HS xác định được thông tin văn bản, thể loại văn bản. 2. **Phương thức thực hiện:** Kĩ thuật khăn trải bàn 3. **Yêu cầu sản phẩm:** HS trình bày qua sản phẩm nhóm, thực hiện được nhiệm vụ vào vở ghi của mình. 4. **Tổ chức thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***   * Gv: Theo thông tin văn bản em hãy nêu tên tác giả ; nguồn gốc và bố cục của tác phẩm   ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***   * HS: triển khai nhiệm vụ, thực hiện cá nhân vào vở ghi. * Nhiệm vụ:   + HS xác định thông tin và bố cục của văn bản.  + Phương pháp: giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí vấn đề  + Thời gian: 3p  +HS làm việc cá nhân  + HS thống nhất kết quả đưa ra ý kiến chung.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, tương tác nhóm bạn.  ***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.***  **+** GV nhận xét, tuyên dương  +GV định hướng kiến thức, HS tự xác định thông tin ghi vào vở.  ***\* Phương pháp đóng vai***  -Mục tiêu: HS giải thích những từ khó trong văn bản.  -Phương pháp: PP đóng vai  -Thời gian: 1p  -Các bước thực hiện:  +HS: 2 HS, 1 HS là Cù Trọng Xoay, 1HS là người trả lời  + HS sẽ hỏi nhanh, đáp lẹ 4 từ khóa mà người hỏi đưa ra.  + HS củng cố kiến thức cho bản thân qua pp đóng vai. | 1. Tác giả: theo Trịnh Văn 2. Tác phẩm   \*Xuất Xứ: Báo nhân dân, số ra 15/06/2003  \*Thể loại: Văn nghị luận.  \* Bố cục:  -Phần 1: nội dung 1: Nêu thực trạng khan hiếm nước ngọt.  - Phần 2: nội dung 2: Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  Phầm 3: nội dung 3: Nếu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.  \* Giải thích từ khó  -Nước: là một phân tử gọi là H2O chứa hai nguyên tử hydro và một nguyên tử ôxy. Đó là một chất lỏng trong suốt, không mùi mà bạn có thể tìm thấy trong hồ, sông ngòi và đại dương.  -Nước mặn:  **+** là thuật ngữ chung để chỉ nước chứa một hàm lượng đáng kể các muối hòa tan (chủ yếu là NaCl). Hàm lượng này thông thường được biểu diễn dưới dạng phần nghìn (ppt) hay phần triệu (ppm) hoặc phần trăm (%) hay g/l.  **+** Là nước bị nhiễm mặn và không sử dụng được trong sinh hoạt.  -Nước ngọt: hay  được gọi là nước nhạt là loại nước chứa một lượng tối thiểu các muối hòa tan, đặc biệt là natri clorua (thường có nồng độ các loại muối hay còn gọi là độ mặn trong khoảng 0,01 - 0,5 ppt hoặc tới 1 ppt), vì thế nó được phân biệt tương đối rõ ràng với nước lợ hay các loại nước mặn và nước muối.  -Nước sạch: là nguồn **nước**: trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa các độc chất và vi khuẩn gây bệnh cho con người. **Nước sạch** phải bảo đảm 14 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí về: Nitrat, clorua, asen, sắt, chì, mangan, thủy ngân,... theo quy chuẩn của Bộ Y tế. |
| **Hoạt động: Đọc- hiểu văn bản** | 1. **Đọc- hiểu văn bản** |
| **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: TỔ CHỨC HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN PHÓNG VIÊN NHỎ ĐIỀU TRA “ KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**”   1. ***Môn phối hợp***:Hóa học, Địa lí, Giáo dục công dân 2. ***Nội dung kiến thức***   HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.   1. ***Yêu cầu cần đạt***  * Từ văn bản “ Khan hiếm nước ngọt”, thông tin HS thu tập được qua kênh internest, sách báo, phỏng vấn ..từ đó HS xác định được vấn đề nghiêm trọng của việc khan hiếm nước ngọt. Qua đó xác định được nguyên nhân, hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt. * Qua kiến thức đã tìm hiểu từ văn bản, nguồn tư liệu , HS nêu ra được biện pháp giải quyết vấn đề của tác giả đồng thời qua đó liên hệ với chính bản thân mình. * HS xác định được hành động của bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày đối với việc tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước và lên án phê bình những hành vi lãng phí, gây phá hoại nguồn nước ngọt. * HS phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực CNTT.. * Phát triển năng lực ngôn ngữ ( đọc hiểu nội dung, viết được văn bản nghị luận); năng lực văn học (kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận)  1. ***Cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm***   -GV: chia lớp thành 4 nhóm  **+ NHóm 1: Nghiên cứu về thực trạng khan hiếm nướ ngọt.**   * *Văn bản “Khan hiếm nước ngọt đề cập đến vấn đề gì?* * *Vấn đề đó được khái quát ở phần nào?* * *Tến văn bản và vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan như thế nào?* * *Nước ngọt có những tác dụng gì đối với chúng ta?*   *LƯU Ý: Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip phỏng vấn về thực trạng của vấn đề ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 2: Nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình về nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 3: Nghiên cứu tác hại của việc khan hiếm nước ngọt mang lại**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 4: Xây dựng phương án phòng chống việc khan hiếm nước ngọt.**  *?Trình bày nhanh những giải pháp tác giả đề xuất bằng các hình ảnh máy chiếu và đề xuất giải pháp bổ sung theo ý tưởng của nhóm mình, đóng vai tuyên truyền (sử dụng tranh vẽ tuyên truyền)*  + GV hỗ trợ hs về CNNT khi HS gặp khó khăn   * Dự kiến hệ thống câu hỏi   ? Thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt.  ? Nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt?  ? Từ kiến thức của văn bản “Khan hiến nước ngọt” thông tin đã thu thập em có suy nghĩ như thế nào về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt? Qua đây, tác giả đã có giải pháp như thế nào em rút ra được bài học gì cho bản thân mình? Em cần làm gì đề đẩy lùi việc khan hiếm nước ngọt như hiện nay?   1. ***Tiêu chí đánh giá***  |  |  | | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | Điểm (thang điểm 100) | | 1. Thời gian trình bày (10đ) |  | | 1. Thái độ và tinh thần đoàn kết (10đ) |  | | 1. Nội dung kiến thức (20đ) |  | | 1. Kĩ năng thuyết trình (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí thông tin (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí vấn đề trong tương tác (10đ) |  | | 1. Tính khả thi trong phương pháp phòng trống (10đ) |  | | 1. Tính sáng tạo (10đ) |  | | 1. Thu thập nội dung thông tin qua các nhóm để hoàn thiện nội dung yêu cầu của bài học (10đ) |  | | Tổng điểm |  |  1. ***Kế hoạch tổ chức trải nghiệm***  * Thời gian thực hiện: 5 ngày trước khi tiết học diễn ra * Địa điểm tổ chức: trong lớp học * Thành phần tham gia: GVBM ngữ văn, sinh học, GDCD trong trường, toàn thể HS lớp được giao nhiệm vụ.  1. ***Tổ chức thực hiện (20p***)  * Bước 1. GV chuyển giao hoạt động cho lớp * Bước 2. Lớp trưởng thông qua hoạt động * Bước 3. Đại diện thành viên của các nhóm lên thuyết trình thông qua bảng tương tác. * Bước 4. Sau khi nhóm thuyết trình, các nhóm khác tương tác và đại diện nhóm đang trình bày hoặc thành viên của nhóm ở dưới giải quyết vấn đề được đặt ra đối với nhóm mình. * Bước 5. Ban cán sự lớp thu thập lại phiếu đánh, công bố kết quả. * Bước 6. GV tổ chuyên môn Hóa học, Địa lí, GDCD nhận xét * Bước 7. GV nhận xét, tuyên dương, phát phần thưởng, định hướng kiến thức cho học sinh  1. **Đặt vấn đề ( nêu thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt)**  * Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay. * Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm. * Vấn đề được nêu lên có nội dung tương ứng với đề tài được nói lên trong tên văn bản, tạo tính thống nhất trong văn bản. * Nước ngọt đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt, sản xuất của con người. Tạo thúc đẩy cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế, duy trì sự sống cho con người, động thực vật trên trái đất. * Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đền nước không không bao giờ cạn kiệt   +Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.  + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước  +Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “ nhầm to” của chúng ta.   * Đặt vấn đề ngắn gọn , thông qua chính thực tế của chúng ta.  1. **Giải quyết vấn đề (Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt)**   \****Nguyên nhân***  - Xung quanh chúng ta đều là nước, nhưng là nước mặn không phải nước ngọt. Cũng không phải nước sạch mà con người và động thực vật có thể sử dụng.  - Phân hóa nước ngọt không đồng đều ngay cả trên thế giới và ở Việt Nam.  +Trên thế giới nói chung  ++ Nước ngọt hầu hết nằm ở Bắc cực đang trong trạng thái đóng băng.  ++ Số lượng nước ngọt chỉ có thể sử dụng ở sông, suối, đầm, ao, hồ, nguồn nước ngầm.  + Ở Việt Nam  ++ Có những nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm  ++ Như ở Đồng văn, Hà Giang để lấy nước ngọt bà con phải đi xa vài ba cây số.  ++ Nước ngọt ở đây có nhưng lại nằm sâu dưới lòng đất, kinh phí để khai thác rất tốn kém và cũng vô vàn khó khăn khi bị phân bố dưới chủ yếu là núi đá.   * Số nước ngọt không tự tạo ra, bên cạnh đó đang bị ô nhiễm do chính con người tạo ra.   + Rác thác được bắt nguồn từ các mặt trong cuộc sống.  + Có những rác thải mất hàng chục năm mà chưa tiêu hủy được.  + Những chất độc ngấm xuống đất, thải ra sông suối   * Nước ngày càng khan hiếm.   - Dân số ngày càng tăng cao, khoảng hơn 2 tỉ người đang sinh sống điều đó có nghĩa hơn 2 tỉ người đang sống trong cảnh thiếu ngước ngọt trong sinh hoạt.  - Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  ***\* Hậu quả***  -Tình trạng thiếu nước diễn ra trong sinh hoạt con người, đất đai khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **3.Khẳng định và nêu giải pháp**  - Khẳng định vấn đề  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * Nêu giải pháp   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên. | |
| **Hoạt động: Tổng kết** | 1. **Tổng kết** |
| 1. **Mục tiêu:** HS tổng kết lại kiến thức đã học về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, cách đọc hiểu văn bản nghị luận 2. **Phương thức thực hiện**: thảo luận cặp đôi 3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày bằng miệng 4. **Đánh giá kết quả thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Em hãy cho biết tác phẩm đề cập đến vấn đề gì? Văn bản đã có ý nghĩa như thế nào với chúng ta? Cách trình bày văn bản nghị luận?  ***Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận trong 3p  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  HS: Đại diện 2 nhóm trình bày, hs nhận xét, phản hồi  ***Bước 4. Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV nhận xét, định hướng kiến thức  HS tự ghi vào vở. | 1. Nội dung   Văn bản là hồi chuông báo động cho thực trạng khan hiếm nước ngọt trên toàn cầu. Đồng thời là thức tỉnh bài học nhận thức của mỗi chúng ta về thực trạng khan hiếm nước ngọt.   1. Nghệ thuật   Sử dụng thành công văn nghị luận xã hội để phản ánh một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống qua phương pháp lập luận thông qua số liệu, dẫn chứng cụ thể đầy thuyết phục.   1. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản nghị luận sự việc, hiện tượng đời sống  * Đề tài: những hiện sự việc, hiện tượng có thật nổi lên trong đời sống của toàn xã hội. * Bài viết cần có giải pháp cho vấn đề, đây là giải pháp thiết thực và đi đến bài học nhận thức cho con người. * Phương pháp lập luận: nêu khái niệm, định nghĩa, so sánh, đối chiếu, bàn luận, liệt kê, nêu số liệu.. * Các bước làm văn nghị luận: Bố cục gồm 3 phần ( Nêu/đặt vấn đề; giải quyết vấn đề; khẳng định vấn đề) |

**Họạt động 3. Luyện tập**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy kể 3 tác dụng của nước ngọt mang lại? Em sẽ làm gì trước tình trạng khan hiếm nước ngọt hiện nay? So với những điều về nước, văn bản cho em hiểu thêm những gì?*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 2p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Viết đoạn văn khoảng 8-10 dòng về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “ nhiều như nước”*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.

**Hoạt động 5. Tìm tòi mở rộng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để mở rộng vấn đề
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy tìm sự khác biệt giữa nước ngọt trong trong sinh hoạt với nước ngọt có ga.*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.